Sở Tài chính
Tỉnh Quảng Trị
19.08.2022 15:58:47 +07:00

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ **SỞ TÀI CHÍNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2984/STC-QLNS V/v hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN năm 2023 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023-2025	*Quảng Trị, ngày 19 tháng 8 năm 2022*

Kính gửi:

- Cục Thuế tỉnh;
- Cục Hải quan tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật NSNN; số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ NSĐP, phê chuẩn quyết toán NSĐP hằng năm; số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP; số 69/2017/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2017 hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm; số 47/2022/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2022 hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN năm 2023, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023-2025;

Để đảm bảo công tác lập dự toán NSNN năm 2023 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023-2025 báo cáo UBND tỉnh theo quy định; Sở Tài chính đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đánh giá kết quả thực hiện dự toán NSNN năm 2022 và lập dự toán NSNN năm 2023, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023-2025 sát với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương; với những nội dung chủ yếu như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU NSNN NĂM 2022

1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN

Căn cứ kết quả thực hiện thu NSNN 6 tháng đầu năm 2022, dự kiến khả năng thực hiện 6 tháng cuối năm, trong đó tập trung làm rõ những thuận lợi, khó khăn, nhất là tác động của biến đổi khí hậu, dịch bệnh, thiên tai ảnh hưởng đến hoạt động

sản xuất kinh doanh. Kiến nghị các giải pháp điều hành thu để phấn đấu tăng thu ngân sách. Khi đánh giá cần tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

a) Đánh giá, phân tích nguyên nhân tác động đến tăng, giảm thu NSNN năm 2022:

- Những thuận lợi, khó khăn và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, xu hướng phục hồi sản xuất kinh doanh sau đại dịch Covid-19 và các nhân tố tác động khác đến hoạt động sản xuất kinh doanh,... những nhiệm vụ giải pháp chủ yếu để cải thiện môi trường kinh doanh.

- Tác động của thị trường bất động sản ảnh hưởng đến nguồn thu NSNN.

- Tình hình triển khai thực hiện các chính sách thuế được sửa đổi, bổ sung có hiệu lực trong năm 2022.

- Tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu, gia hạn, miễn, giảm thuế, phí, lệ phí; các giải pháp để thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ.

b) Đánh giá tình hình xử lý thu hồi nợ đọng thuế; thực hiện kiến nghị, kết luận kiểm toán, thanh tra:

- Kết quả thực hiện công tác đôn đốc, cưỡng chế thu hồi nợ đọng thuế, xử lý nợ thuế trong 6 tháng đầu năm 2022, dự kiến số nợ xử lý trong các tháng cuối năm 2022 (so với kế hoạch được giao), đánh giá dự kiến số nợ thuế đến 31/12/2022.

- Kết quả thực hiện các kiến nghị, kết luận của Kiểm toán Nhà nước, cơ quan Thanh tra, quyết định truy thu của cơ quan Thuế qua thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật thuế.

c) Đánh giá tình hình chi hoàn thuế giá trị gia tăng; đánh giá thực hiện hoàn trả các khoản thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa theo quy định của pháp luật (ngoài chi hoàn thuế giá trị gia tăng); những vướng mắc, khó khăn, kiến nghị giải pháp về cơ chế chính sách, tổ chức triển khai thực hiện.

d) Tình hình thu ngân sách từ xử lý tài sản công theo các quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn; thu ngân sách từ đất đai (thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất) theo pháp luật về đất đai; thu ngân sách từ xử lý, sắp xếp nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công, Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 167/2017/NĐ-CP và quy định pháp luật khác có liên quan; ...

e) Tình hình thu phí và lệ phí; thu xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt, tịch thu; các khoản nộp NSNN khác; các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công:

- Tình hình thu phí và lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí (đánh giá số thu phí, lệ phí theo quy định; số thu phí nộp NSNN).

- Tình hình thu xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt, tịch thu và các khoản nộp NSNN khác trong năm 2022 theo Luật Xử phạt vi phạm hành chính và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Đối với các cơ quan, đơn vị được giao thu phí, lệ phí và đơn vị sự nghiệp công lập có nguồn thu: Thực hiện đánh giá kết quả thu phí và lệ phí, thu học phí, giá dịch vụ y tế và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí).

2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi NSĐP

2.1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư phát triển

- Tình hình phân bổ và giao, điều chỉnh, bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển (ĐTPT) năm 2022 chi tiết theo từng lĩnh vực chi (bao gồm cả nguồn NSNN, nguồn vay và các nguồn vốn khác). Khó khăn, vướng mắc và kiến nghị điều chỉnh cơ chế, chính sách; kiến nghị trong tổ chức thực hiện.

- Tình hình thực hiện dự toán chi ĐTPT các chương trình, dự án nguồn NSNN (bao gồm cả chuyển nguồn từ các năm trước sang năm 2022 theo quy định): Đánh giá tình hình giải ngân vốn đến hết tháng 6/2022; dự kiến khả năng thực hiện đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2023 chi tiết theo từng nguồn vốn (trong đó: đối với chi ĐTPT của NSĐP, đề nghị chi tiết nguồn vốn NSĐP; nguồn vốn NSTW hỗ trợ có mục tiêu từ vốn trong nước, vốn ngoài nước; nguồn vay); có biểu phụ lục chi tiết từng dự án, số liệu về tổng mức đầu tư được duyệt, kế hoạch vốn năm 2022, kể cả vốn bổ sung, điều chỉnh và ước thực hiện năm 2022, kèm theo thuyết minh).

- Đối với chi ĐTPT từ nguồn thu bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền và chuyển mục đích sử dụng đất: Báo cáo tình hình thu, nộp ngân sách và việc thực hiện dự toán chi ĐTPT năm 2022 từ nguồn thu này.

- Đánh giá tình hình xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản nguồn NSNN và thu hồi vốn ứng đến ngày 31/12/2021; ước số xử lý trong năm 2022; dự kiến số nợ xây dựng cơ bản, số ứng chưa có nguồn thu hồi đến ngày 31/12/2022 (chi tiết theo từng dự án).

- Tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành, trong đó nêu rõ: số dự án được phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành và số vốn đầu tư công còn lại chưa được bố trí để thanh toán so với giá trị quyết toán dự án hoàn thành được cấp có thẩm quyền phê duyệt; số dự án sử dụng vốn đầu tư công đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán theo quy định đến hết tháng 6 năm 2022, dự kiến đến hết năm 2022; nguyên nhân và giải pháp xử lý.

- Đối với vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư nhưng không cân đối vào NSNN: Đánh giá việc phê duyệt, bố trí nguồn, kết quả thực hiện nhiệm vụ chi ĐTPT năm 2022 theo quy định (chi tiết nguồn kinh phí và nguồn thu sự nghiệp được để lại, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vay và nguồn hợp pháp khác của đơn vị) theo từng lĩnh vực chi.

2.2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên:

a) Tình hình phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán chi thường xuyên 6 tháng đầu năm, ước thực hiện cả năm 2022 theo từng lĩnh vực chi được giao.

b) Đối với các chế độ, chính sách:

- Đánh giá tổng thể toàn bộ các chính sách, chế độ; rà soát, xác định những nội dung chồng chéo, trùng lắp để kiến nghị lồng ghép hoặc bãi bỏ các chế độ, chính sách không phù hợp với thực tế.

- Báo cáo kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách năm 2022 (cụ thể đối tượng và kinh phí thực hiện từng chế độ, chính sách): Nhu cầu kinh phí, số kinh phí đã bố trí trong cân đối và bổ sung có mục tiêu trong dự toán năm 2022 từ nguồn ngân sách tỉnh, nguồn khác của đơn vị, địa phương (nếu có); kinh phí thừa, thiếu. Trong đó, có thuyết minh đối tượng và kinh phí tăng thêm chi tiết đối với từng loại chuẩn nghèo đa chiều.

- Trường hợp không báo cáo đối tượng, nhu cầu kinh phí thực hiện chế độ, chính sách thì xem như không có nhu cầu kinh phí và các cơ quan, đơn vị và địa phương chịu trách nhiệm bố trí từ nguồn kinh phí của cơ quan, đơn vị và địa phương để thực hiện.

c) Tình hình thực hiện tinh giản biên chế, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy:

- Số giảm biên chế, giảm đầu mối tổ chức bộ máy;

- Số kinh phí tiết kiệm được do giảm biên chế, giảm tổ chức bộ máy, trong đó chi tiết số đã sử dụng để thực hiện cải cách tiền lương; số kinh phí phải bố trí từ NSNN để thực hiện chính sách tinh giản biên chế.

d) Tình hình, kết quả thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo quy định:

Tình hình, kết quả thực hiện cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ trong 6 tháng đầu năm, ước thực hiện cả năm 2022; Trong đó:

- Tổng số biên chế và số lượng biên chế từng đơn vị theo từng lĩnh vực sự nghiệp vào thời điểm năm 2022.

- Đánh giá cụ thể việc thực hiện lộ trình giá, phí dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, các trường hợp có lộ trình khác.

- Đánh giá số giảm chi từ NSNN đối với đơn vị sự nghiệp theo từng lĩnh vực: sự nghiệp y tế, sự nghiệp giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, sự nghiệp kinh tế,... và việc sử dụng số kinh phí NSNN dành ra từ việc nâng cao tính tự chủ của các đơn vị sự nghiệp; các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị (nếu có).

e) Kết quả thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2022 từ nguồn thu phí và thu sự nghiệp công được để lại không đưa vào cân đối NSNN; nguồn hợp pháp khác của cơ quan, đơn vị theo quy định, chi tiết từng lĩnh vực chi.

f) Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động có quan hệ lao động, đang ở thuê, ở trọ, làm việc trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu vực kinh tế trọng điểm theo Nghị quyết số 43/2022/QH15.

2.3. Đánh giá tình hình thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án khác sử dụng nguồn vốn ngoài nước:

a) Đối với 03 Chương trình mục tiêu quốc gia:

- Các Sở, ban, ngành được giao chủ trì, chủ quản CTMTQG báo cáo cụ thể:

+ Tình hình xây dựng các văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình.

+ Tổng mức kinh phí cho Chương trình theo phê duyệt của cấp thẩm quyền; kế hoạch đầu tư trung hạn 2021-2025 đối với từng CTMTQG, chi tiết cụ thể nguồn NSTW, NSĐP; nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác; nguồn vốn huy động khác).

- Các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và UBND các huyện, thành phố, thị xã báo cáo tình hình phân bổ, giao dự toán năm 2022 (gồm cả dự toán năm 2021 chuyển sang - nếu có) đối với từng CTMTQG; tiến độ giải ngân, khả năng thực hiện năm 2022, chi tiết đối với từng nguồn NSTW, NSĐP; nguồn vốn ĐTPT, chi thường xuyên; nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác; nguồn vốn huy động khác.

- Những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

b) Đối với các chương trình, dự án khác sử dụng nguồn vốn ngoài nước:

- Đánh giá tình hình phân bổ, giao, thực hiện dự toán chi năm 2022 theo Hiệp định, Thỏa thuận đã ký kết, chi tiết theo từng nguồn vốn (vốn vay ODA, vốn cấp phát của Chính phủ); cơ chế tài chính.

- Những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

c) Đối với các chương trình, dự án chậm giải ngân, làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của các cơ quan, địa phương với vai trò là cơ quan chủ quản đầu tư, trách nhiệm của Ban Quản lý dự án và các cơ quan có liên quan.

2.4. Các huyện, thành phố, thị xã đánh giá việc bố trí ngân sách (bao gồm cả nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện) và sử dụng dự phòng ngân sách địa phương:

- Tình hình phân bổ, giao dự toán chi NSNN từ nguồn thu tiền sử dụng đất để đầu tư các dự án, công trình của địa phương; thực hiện đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Đánh giá cụ thể kết quả phân bổ, sử dụng nguồn kinh phí được ngân sách tỉnh bổ sung (chi tiết từng nội dung mục tiêu được hỗ trợ).

- Tình hình sử dụng dự phòng NSĐP (bao gồm cấp huyện, cấp xã) thực hiện nhiệm vụ an ninh, quốc phòng; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh; …: Tình hình sử dụng dự phòng NSĐP 6 năm dầu năm; Ước thực hiện cả năm 2022.

2.5. Đánh giá kế hoạch tài chính của các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách năm 2022:

Các Sở, ngành tỉnh; UBND huyện, thành phố, thị xã được giao quản lý các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch thu, chi và các nhiệm vụ được giao 6 tháng đầu năm 2022 và dự kiến cả năm 2022; các khó khăn, vướng mắc phát sinh và kiến nghị giải pháp xử lý.

2.6. Đánh giá tình hình thực hiện chính sách tiền lương và tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2022

Các cơ quan, đơn vị, địa phương đánh giá việc thực hiện chính sách tạo nguồn chi cải cách tiền lương gắn với sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 122/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2022.

II. XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NSNN 03 NĂM 2023-2025

Dự toán NSNN năm 2023 và Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023-2025 được lập theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn của Trung ương và địa phương; trong đó lưu ý những nội dung sau:

1. Xây dựng dự toán thu NSNN năm 2023

a) Các địa phương lập dự toán thu NSNN trên địa bàn năm 2023 đảm bảo đúng quy định phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách theo Nghị quyết số 151/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh; trong đó:

- Tổng hợp đầy đủ các nguồn thu thuộc phạm vi thu NSNN phát sinh trên địa bàn (bao gồm cả số thu ngân sách ở xã, phường, thị trấn; các khoản thu thuế nhà thầu khi thực hiện các dự án trên địa bàn; các khoản thuế từ các dự án mới được đưa vào sản xuất kinh doanh; …) trên cơ sở đánh giá đầy đủ thực tế thực hiện năm 2022, những đặc thù của năm 2023.

- Việc xây dựng dự toán thu NSNN phải gắn với việc tăng cường quản lý thu, chống thất thu (trên các lĩnh vực thương mại, dịch vụ; kinh doanh, chuyển nhượng bất động sản; kinh doanh thương mại điện tử; …); đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra thuế, chống chuyển giá, chống buôn lậu, gian lận thương mại kiểm tra, trốn thuế; các nguồn thu từ đôn đốc thực hiện kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm toán; quyết liệt xử lý nợ đọng thuế và kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế.

- Dự toán các khoản thu phí, lệ phí (thuộc danh mục quy định của Luật phí và lệ phí) tích cực, chi tiết theo từng khoản thu theo quy định.

- Về thu tiền sử dụng đất: Trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; các địa phương chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và cấp dưới trực thuộc phối hợp chặt chẽ trong công tác dự báo, xây dựng dự toán thu từ đất đai (thu tiền sử dụng đất, thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước), nâng cao chất lượng xây dựng dự toán, khắc phục tình trạng dự báo, xây dựng dự toán thu từ đất đai chưa sát với thực tế trong thời gian qua.

- Đối với khoản thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại cấp xã cần rà soát lại diện tích đất công, xây dựng phương án thu, dự toán thu sát với thực tế.

b) Phấn đấu dự toán thu nội địa năm 2023 bình quân cả tỉnh tăng khoảng 8-10% so với đánh giá ước thực hiện năm 2022 *(không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ*

số kiến thiết, cổ tức, lợi nhuận sau thuế và loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách). Mức tăng thu cụ thể tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh, từng địa bàn huyện, thành phố, thị xã. Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu năm 2023 tăng bình quân khoảng 4-6% so với đánh giá ước thực hiện năm 2022.

c) Đối với khoản thu phí, thu dịch vụ sự nghiệp công, học phí, giá dịch vụ y tế và các khoản thu hợp pháp khác được để lại cho cơ quan, đơn vị sử dụng theo quy định không tổng hợp vào dự toán thu NSNN của các cơ quan, đơn vị, địa phương, nhưng các cơ quan, đơn vị phải lập dự toán riêng, thuyết minh cơ sở tính toán và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan quản lý cấp trên, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định.

d) Xây dựng dự toán thu viện trợ không hoàn lại:

Căn cứ các hiệp định, thỏa thuận viện trợ ODA và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức thuộc nguồn thu NSNN đã và đang thực hiện; các thỏa thuận đã và sẽ được ký kết, triển khai từ năm 2023 và tiến độ thực hiện của các khoản viện trợ; các Sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh, địa phương xây dựng dự toán thu viện trợ không hoàn lại năm 2023 của ngành, cơ quan, địa phương.

2. Xây dựng dự toán chi NSĐP năm 2023

Xây dựng dự toán chi NSĐP năm 2023 theo đúng quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công, các Luật có liên quan; các quy định của pháp luật về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công theo Nghị quyết số 71/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 11 năm 2020 của HĐND tỉnh[1]; chi thường xuyên đảm bảo đúng quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên theo Nghị quyết số 152/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh[2]; các quy định hiện hành của trung ương, địa phương. Đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại ngân sách, thực hiện chủ trương sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đầu mối khu vực sự nghiệp công lập. Đảm bảo yêu cầu thực hiện tiết kiệm triệt để, chống lãng phí ngay từ khâu xác định nhiệm vụ; chủ động rà soát các chính sách, nhiệm vụ, sắp xếp thứ tự ưu tiên các khoản chi thực hiện theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2023 để hoàn thành các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở khả năng cân đối của NSNN và các nguồn huy động hợp pháp khác. Trong đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương lưu ý một số nội dung sau:

2.1. Dự toán chi đầu tư phát triển

a) Dự toán chi đầu tư phát triển (ĐTPT) nguồn NSNN, bao gồm cả nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn viện trợ, vốn trái phiếu Chính phủ, nguồn thu xổ số kiến thiết, nguồn thu tiền sử dụng đất được xây dựng theo các quy định của pháp luật và khả năng cân đối của NSNN; phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển

---

[1] Nghị quyết số 71/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 11 năm 2020 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSĐP cân đối theo tiêu chí giai đoạn 2021-2025

[2] Nghị quyết số 152/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSĐP năm 2022, ổn định đến năm 2025

kinh tế - xã hội năm 2023, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn và tiến độ triển khai các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và các nhiệm vụ chi đầu tư khác theo quy định của Luật NSNN, các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Ưu tiên bố trí dự toán năm 2023 để đẩy mạnh thực hiện các dự án quan trọng, cấp thiết, có tác động lan tỏa, có khả năng giải ngân nhanh, có ý nghĩa quan trọng với phát triển kinh tế - xã hội; thanh toán nợ xây dựng cơ bản theo quy định của Luật Đầu tư công, thu hồi vốn ứng trước NSNN; các dự án đã hoàn thành nhưng chưa bố trí đủ vốn; các dự án hoàn thành trong năm 2023. Bố trí đủ vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài. Mức bố trí vốn cho từng nhiệm vụ phải phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, việc điều chuyển nguồn vốn thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; tiến độ thực hiện và khả năng giải ngân trong năm 2023.

Các Sở, ban, ngành, địa phương lập riêng dự toán năm 2023 cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 và Nghị quyết số 11/NQ-CP, đảm bảo mức bố trí 02 năm 2022-2023 đối với các nhiệm vụ này theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15, chi tiết theo ngành, lĩnh vực, kèm phụ lục chi tiết từng chương trình, dự án, nhiệm vụ; quyết định phê duyệt; tổng mức đầu tư được duyệt; thời hạn khởi công - hoàn thành; số bố trí dự toán năm 2022, số điều chuyển - nếu có và ước thực hiện đến 31 tháng 01 năm 2023; đề xuất dự toán năm 2023 (kèm theo thuyết minh).

b) Đối với vốn nước ngoài, việc bố trí kế hoạch phải phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025, nội dung của Hiệp định, cam kết với nhà tài trợ, phù hợp với cơ chế tài chính của dự án và tiến độ thực hiện chương trình/dự án, ưu tiên bố trí đủ vốn cho các dự án kết thúc hiệp định vay nước ngoài trong năm 2023 và không có khả năng gia hạn.

c) Các cơ quan, đơn vị và địa phương có dự án đầu tư được cơ quan có thẩm quyền cho phép sử dụng nguồn thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước lập dự toán chi ĐTPT từ nguồn thu này năm 2023 gửi cơ quan Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan Tài chính cùng cấp để tổng hợp dự toán NSNN trình cấp có thẩm quyền quyết định. Trong đó, làm rõ các dự án đã hoàn thành chưa được quyết toán do chưa được bố trí dự toán ngân sách (nếu có); các dự án phê duyệt sử dụng từ nguồn tiền bán tài sản trên đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã nộp ngân sách nhưng chưa sử dụng; các dự án dự kiến sử dụng nguồn thu này phát sinh trong năm 2023.

d) Đối với nguồn thu xổ số kiến thiết: Xây dựng dự toán sát nguồn thu xổ số kiến thiết (bao gồm cả số thu được phân chia từ hoạt động xổ số điện toán) và tiếp tục sử dụng toàn bộ nguồn thu từ xổ số kiến thiết cho ĐTPT, trong đó ưu tiên để đầu tư cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề (bao gồm cả đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông) và lĩnh

vực y tế; phần còn lại ưu tiên chi thực hiện các công trình, dự án đầu tư phòng chống thiên tai, chống biến đổi khí hậu, nông thôn mới và các nhiệm vụ đầu tư quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của NSĐP.

2.2. Dự toán chi thường xuyên

Trên cơ sở Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn, các văn bản pháp luật có liên quan; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023; định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022; chính sách, chế độ, định mức chi NSNN; các đề án, nhiệm vụ theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền, các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng dự toán chi thường xuyên theo lĩnh vực chi, đảm bảo đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ Nhà nước đã ban hành, nhất là các chính sách chi cho con người, chi an sinh xã hội; chú trọng cải cách hành chính, tiết giảm chi phí; trong đó, cần lưu ý:

a) Rà soát đầy đủ các chế độ, chính sách để đảm bảo xây dựng dự toán chính xác và thuyết minh cụ thể căn cứ, cơ sở tính toán. Đối với từng chính sách, đề nghị có báo cáo cụ thể số đối tượng, nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách năm 2023 (có thuyết minh cơ sở xác định, cách tính). Trong đó, đối với kinh phí thực hiện chuẩn nghèo đa chiều theo phê duyệt của cấp thẩm quyền và Nghị quyết của Chính phủ, chi tiết đối với từng loại chuẩn nghèo đa chiều, cụ thể số đối tượng, nhu cầu kinh phí phát sinh năm 2023.

b) Dự toán chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phải căn cứ quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản công hiện hành; kinh phí sửa chữa, bảo trì cơ sở vật chất theo quy định. Đối với dự toán kinh phí sửa chữa, bảo trì cơ sở vật chất, dự toán của các cơ quan, đơn vị và địa phương gửi kèm thuyết minh chi tiết về tên công trình; mục tiêu sửa chữa, bảo trì; sự cần thiết, lý do thực hiện; văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền; khối lượng công việc dự kiến; thời gian bắt đầu, kết thúc; dự toán kinh phí theo các nguồn vốn và phân kỳ thực hiện hàng năm. Không bố trí chi thường xuyên cho các nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 6 Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn.

c) Dự toán chi thường xuyên nguồn NSNN của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể xây dựng gắn với việc tiếp tục triển khai Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XII) và Kết luận 28-KL/TW ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; trên cơ sở đó, xác định cụ thể các tác động tăng hoặc giảm quỹ lương năm 2023 so với năm 2022. Các cơ quan, đơn vị dự toán triệt để tiết kiệm các khoản chi thường xuyên, đặc biệt là chi mua sắm công, đi công tác trong và ngoài nước, sử dụng xe ô tô công, tổ chức hội nghị, hội thảo, nghiên cứu, khảo sát, tiết kiệm điện, xăng dầu,…

Tiếp tục tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, thực hiện tiết kiệm thêm bình quân 10% chi thường xuyên NSNN so với dự toán năm 2022 của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước ngay từ khâu xây dựng dự toán (trừ các khoản chi tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản chi có tính chất lương, các khoản chi cho con người theo chế độ và các khoản chi đặc thù

không thể cắt giảm như đóng niên liễm, chi theo các hợp đồng cung ứng hàng hoá, dịch vụ đã ký kết từ trước và tiếp tục thực hiện trong năm 2023,...) để dành nguồn chi thực các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách khác thuộc trách nhiệm chi của các cấp ngân sách theo phân cấp và tăng chi ĐTPT.

Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể làm rõ:

- Số biên chế được giao năm 2023 *(số được cơ quan có thẩm quyền giao năm 2022 - số biên chế tinh giản trong năm 2023 + số bổ sung trong năm 2023, nếu có)*, trong đó làm rõ số biên chế thực có mặt đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2022, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu biên chế năm 2023 nêu trên.

- Xác định quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ quy định theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo: (i) Quỹ tiền lương theo chỉ tiêu biên chế được giao năm 2023, bao gồm quỹ lương của số biên chế thực có mặt tính đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2022, được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ và quỹ lương của số biên chế chưa tuyển (nhưng vẫn trong tổng mức biên chế được giao), tính trên cơ sở lương 1.490.000 đồng/tháng và hệ số lương bậc 1 của công chức loại A1, các khoản phụ cấp theo lương cùng các khoản đóng góp theo quy định; (ii) Giảm quỹ tiền lương đối với các trường hợp phải tiếp tục tinh giản biên chế.

- Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán các khoản chi đặc thù năm 2023 (cơ sở pháp lý, nội dung chi, mức chi, văn bản của cấp có thẩm quyền...) trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

d) Dự toán chi hoạt động năm 2023 của các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng trên cơ sở các mục tiêu về đổi mới đơn vị sự nghiệp công theo Nghị quyết số 19- NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương và quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ, trong đó:

- Không xây dựng dự toán chi thường xuyên NSNN hỗ trợ cho các dịch vụ sự nghiệp công đã hoàn thành lộ trình giá, phí từ năm 2022 trở về trước hoặc dự kiến hoàn thành trong năm 2023.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên thuộc các cơ quan cấp tỉnh xây dựng dự toán chi NSNN năm 2023 giảm tối thiểu 3% chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN so với dự toán năm 2022, giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ NSNN tương ứng mức giảm chi thường xuyên từ ngân sách.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập do NSNN bảo đảm chi thường xuyên thuộc các cơ quan cấp tỉnh tiếp tục giảm tối thiểu 2% chi trực tiếp từ NSNN so với dự toán năm 2022 trừ các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu do NSNN đảm bảo.

- UBND các huyện, thành phố, thị xã căn cứ vào dự kiến số tăng thu sự nghiệp theo lộ trình thực hiện tính đúng, tính đủ chi phí vào giá dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, dự toán giảm nhu cầu chi NSNN thường xuyên năm 2023 cho các đơn vị sự nghiệp công lập. Báo cáo về lộ trình thực hiện tự

chủ về kinh phí, giảm chi từ ngân sách đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện quản lý.

e) Dự toán chi tạo nguồn cải cách tiền lương, điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hàng tháng (phần NSNN đảm bảo):

- Các cơ quan, đơn vị lập dự toán chi tạo nguồn cải cách tiền lương từ tiết kiệm chi thường xuyên và một phần thu sự nghiệp theo quy định của Nghị quyết số 27- NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Ban Chấp hành Trung ương.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập tiếp tục thực hiện các giải pháp tạo nguồn cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Ban Chấp hành Trung ương và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ, trong đó, phải tự đảm bảo phần tiền lương tăng thêm phù hợp với mức tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên của đơn vị.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương tổng hợp, báo cáo dự toán chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương.

- Đối với kinh phí điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hàng tháng (phần NSNN đảm bảo), các cơ quan, đơn vị căn cứ vào nhiệm vụ, chức năng được giao thực hiện lập dự toán chi theo chế độ nhà nước quy định.

f) Lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế: Việc lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2023 theo quy định của Chính phủ và văn bản hướng dẫn thực hiện.

g) Đối với dự toán chi sự nghiệp từ nguồn thu được để lại theo chế độ: Các cơ quan, đơn vị và các địa phương thực hiện lập dự toán chi từ nguồn thu được để lại báo cáo cấp có thẩm quyền theo biểu mẫu quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ, nhưng không tổng hợp vào dự toán chi NSNN của các cơ quan, đơn vị và địa phương.

2.3. Xây dựng dự toán chi thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu, đề án, nhiệm vụ

- Đối với Chương trình MTQG: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan chủ quản chương trình và đơn vị, địa phương có liên quan căn cứ các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình, Quyết định giao dự toán 2023 và cả giai đoạn 2023-2025 của Trung ương và các văn bản khác có liên quan lập dự toán chi thực hiện các chương trình MTQG đảm bảo chi tiết theo từng dự án thành phần, nhiệm vụ chi ĐTPT, chi thường xuyên theo từng lĩnh vực chi; cơ cấu nguồn NSTW, NSĐP, nguồn vốn lồng ghép các chương trình, dự án, vốn huy động khác.

- Đối với CTMT, đề án, nhiệm vụ đã được phê duyệt: Căn cứ các quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền, văn bản hướng dẫn, tình hình triển khai thực hiện năm 2022 để lập dự toán, trong đó thuyết minh rõ chỉ tiêu, nhiệm vụ, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ của từng dự án, nhiệm vụ.

- Đối với CTMT, đề án, nhiệm vụ chưa được phê duyệt nhưng có văn bản của cấp có thẩm quyền về chủ trương và kế hoạch thực hiện vào năm 2023: Căn cứ chủ trương, kế hoạch được phê duyệt, cơ sở thực tế và các quy định liên quan để xây dựng dự toán, trong đó thuyết minh chi tiết chỉ tiêu, nhiệm vụ, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư, kinh phí sự nghiệp của từng dự án, nhiệm vụ).

- Không đưa vào dự toán NSNN năm 2023 đối với những dự án, đề án, nhiệm vụ chưa có chủ trương, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

2.4. Dự toán các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Các Sở, ban, ngành đơn vị cấp tỉnh; cơ quan ở địa phương được giao quản lý các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách phải lập báo cáo tình hình thu, chi tài chính năm 2022 và dự kiến kế hoạch thu, chi tài chính năm 2023 của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật NSNN và quy định của pháp luật có liên quan, gửi kèm báo cáo dự toán NSNN năm 2023 của cơ quan, đơn vị mình tới cơ quan Tài chính cùng cấp; UBND huyện, thành phố, thị xã tổng hợp các quỹ do địa phương quản lý gửi Sở Tài chính.

Trong đó, thuyết minh chi tiết về số dư đầu năm; số phát sinh thu từ NSNN cấp, từ huy động, tài trợ, trong năm; số chi cho các nhiệm vụ trong năm; tình hình biến động về vốn điều lệ, nguồn vốn hoạt động của các Quỹ này.

3. Lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023-2025

Việc lập, báo cáo, tổng hợp và trình kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023-2025 được tiến hành đồng thời với quá trình lập dự toán NSNN năm 2023.

3.1. Lập kế hoạch thu NSNN 03 năm 2023-2025

a) Giai đoạn 2023-2025, phấn đấu tốc độ tăng thu nội địa (không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, cổ tức, lợi nhuận sau thuế) bình quân cả tỉnh tăng khoảng 8-10%/năm; tốc độ tăng thu từ hoạt động xuất nhập khẩu khoảng 5%/năm.

b) Dự toán các khoản thu phí, lệ phí các năm 2023-2025 tích cực, chi tiết theo từng khoản thu phí, lệ phí theo quy định (số thu, số nộp NSNN) và chỉ tổng hợp vào dự toán thu NSNN phần phí, lệ phí nộp NSNN.

c) Đối với các khoản thu được để lại, học phí, giá dịch vụ y tế, thu dịch vụ sự nghiệp công không thuộc danh mục phí và lệ phí, các khoản thu chuyển sang cơ chế giá dịch vụ: thực hiện lập kế hoạch thu riêng theo quy định và xây dựng phương án sử dụng để gửi cơ quan có thẩm quyền giám sát và tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn từ khoản thu này để cải cách tiền lương theo quy định; gửi cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định.

3.2. Lập kế hoạch chi ngân sách địa phương 03 năm 2023-2025 của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh

Kế hoạch chi NSNN 03 năm 2023-2025 được lập trên cơ sở cập nhật kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2022-2024 và dự toán ngân sách năm 2023 lập theo quy định, trong đó thuyết minh cụ thể về mức tăng, giảm đối với từng lĩnh vực chi; lưu ý các nội dung sau:

a) Trong quá trình xây dựng dự toán chi NSNN năm 2023, các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh đồng thời xác định chi tiết chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới của đơn vị mình năm dự toán 2023 theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính để làm căn cứ xác định chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới và tổng hợp nhu cầu chi ĐTPT, nhu cầu chi thường xuyên trong kế hoạch chi năm 2023-2025. Đồng thời các đơn vị lập kế hoạch chi tiết việc triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách, chế độ còn hiệu lực, hết hiệu lực; các mục tiêu, nhiệm vụ, chế độ, chính sách mới đã được cấp thẩm quyền phê duyệt; cần tính toán, xác định nhu cầu kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền ban hành từng năm của giai đoạn 2023-2025, kèm theo thuyết minh cụ thể căn cứ tính toán.

b) Dự toán chi năm 2023-2025 xây dựng với mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng. Căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền về phương án thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp, sẽ thông báo, hướng dẫn cụ thể sau.

c) Lập kế hoạch nguồn thực hiện cải cách tiền lương: Thực hiện theo các quy định hiện hành.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Biểu mẫu và thời gian báo cáo

a) Biểu mẫu:

- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã và thành phố thực hiện báo cáo theo biểu mẫu quy định của Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016, Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính và theo các biểu mẫu ban hành kèm theo Công văn này ***(Danh mục biểu mẫu[3] đính kèm)***.

- Các biểu mẫu hướng dẫn tại Công văn này được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính, tại địa chỉ: **http://stcquangtri.gov.vn/**.

- Đối với các nội dung không có biểu mẫu kèm theo hướng dẫn, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ vào tính chất và đặc thù của từng lĩnh vực để thuyết minh cơ sở tính toán cho phù hợp.

b) Thời gian gửi báo cáo:

Các đơn vị, địa phương gửi báo cáo đánh giá dự toán NSNN năm 2022, xây dựng dự toán NSNN năm 2023, lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023-2025 gửi về Sở Tài chính **trước ngày 10/9/2022** để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

a) Sở Tài chính đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ khẩn trương rà soát, tổng hợp và phối hợp thực hiện tổng hợp báo cáo đánh

---

[3] Danh mục biểu mẫu lập dự toán NSNN năm 2023 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023-2025 áp dụng cho các cơ quan, đơn vị, địa phương đính kèm

giá thực hiện và lập dự toán NSNN năm 2023, kế hoạch tài chính-NSNN 03 năm 2023-2025 theo đúng quy định của Luật NSNN 2015, Luật Đầu tư công, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và nội dung, biểu mẫu tại Công văn này.

b) Các đơn vị dự toán cấp I ở cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai hướng dẫn cho các đơn vị trực thuộc đảm bảo thời gian quy định.

c) Để kịp thời tổng hợp và tham mưu UBND tỉnh xây dựng dự toán NSNN năm 2023 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023-2025 thảo luận dự toán với Bộ Tài chính; Sở Tài chính đã có các văn bản gửi các đơn vị, địa phương cung cấp số liệu xây dựng xây dựng dự toán NSNN năm 2023 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023-2025. Đối với các nội dung các đơn vị, địa phương đã báo cáo, đề nghị tiếp tục rà soát, tổng hợp và bổ sung các nội dung, biểu mẫu như hướng dẫn tại Công văn này.

d) Trong quá trình lập dự toán NSNN năm 2023, các Sở, ban ngành, đơn vị dự toán khối tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã chịu trách nhiệm trong việc chủ động, dự kiến đầy đủ nhu cầu chi thực hiện những chính sách chế độ, nhiệm vụ mới (nếu có) sẽ phát sinh trong năm 2023; trên cơ sở đó bố trí dự toán đảm bảo thực hiện những nhiệm vụ quan trọng được giao và cả những nhiệm vụ mới phát sinh; không để xảy ra tình trạng sau khi dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, bố trí thiếu kinh phí thực hiện các chế độ chính sách đã ban hành và các nhiệm vụ mới phát sinh.

e) Năm 2023 là năm kéo dài của năm năm ngân sách 2022 và giai đoạn 2023-2025, Sở Tài chính chỉ tổ chức việc thảo luận về dự toán NSĐP năm 2023 với Sở, ngành, các đơn vị dự toán cấp tỉnh.

Đối với các huyện, thành phố, thị xã: Sở Tài chính tổ chức thảo luận dự toán với UBND huyện, thành phố, thị xã khi các địa phương có đề nghị ***(đề nghị thảo luận dự toán của các địa phương - nếu có, gửi về Sở Tài chính trước ngày 31/8/2022 để bố trí lịch thảo luận cụ thể).***

f) Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Tài chính (qua các phòng chuyên môn) để kịp thời phối hợp hướng dẫn.

Trên đây là một số nội dung hướng dẫn công tác xây dựng dự toán NSNN năm 2023, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023-2025; các nội dung khác thực hiện theo Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài chính. Sở Tài chính đề nghị các Sở, ban, ngành, đơn vị và UBND các huyện, thành phố, thị xã phối hợp thực hiện./.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X. H. C. N VIỆT NAM
SỞ TÀI CHÍNH
TỈNH QUẢNG TRỊ

Lê Thị Thanh

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (B/cáo);
- Giám đốc, các PGĐ;
- Phòng TC-KH huyện, TP, TX;
- Phòng KT-XH huyện đảo Cồn Cỏ;
- Các phòng thuộc Sở;
- Đăng tải trên trang TTĐT Sở Tài chính;
- Lưu: VT, QLNS.

DANH MỤC BIỂU MẪU
XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NSNN 03 NĂM 2023-2025 CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Công văn số 2984/STC-QLNS ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị)

I. Đối với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh

1. Biểu mẫu lập dự toán NSNN năm 2023

1.1. Cục Thuế tỉnh

- Tổng hợp báo cáo theo biểu số 01, 02, 03, 04 ban hành kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính.

1.2. Cục Hải quan tỉnh

- Báo cáo theo biểu số 04 quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính.

1.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tổng hợp báo cáo theo biểu số 23, 24, 25, 26, 27 ban hành kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính.

1.4. Các Sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I)

a) Tổng hợp báo cáo theo các mẫu biểu ban hành theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính; trong đó:

- Biểu số 05, 06: Tất cả cơ quan; đơn vị
- Biểu số 07: Các cơ quan; đơn vị có nhiệm vụ thu phí, lệ phí
- Biểu số 08: Các đơn vị sử dụng dự án vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài;
- Biểu số 09: Đơn vị sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại
- Biểu số 11.1; 11.2: Cơ quan; đơn vị có sử dụng vốn chương trình mục tiêu quốc gia; chương trình mục tiêu
- Biểu số 12.1; 12.2; 12.3; 12.4; 12.5; 15.2: Áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập đã được giao tự chủ theo quy định
- Biểu số 13.1: Các đơn vị thuộc lĩnh vực giáo dục; đào tạo; dạy nghề
- Biểu số 13.2: Sở Y tế
- Biểu số 13.3: Sở Khoa học và Công nghệ
- Biểu số 13.4; 13.6: Sở Văn hóa; Thể thao và Du lịch
- Biểu số 13.5: Các đơn vị sự nghiệp phát thanh; truyền hình
- Biểu số 13.7: Sở Tài nguyên và Môi trường
- Biểu số 13.8; 13.9: Các đơn vị sự nghiệp kinh tế
- Biểu số 13.10; 13.12: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
- Biểu số 14; 15.1: Cơ quan quản lý nhà nước; đảng; đoàn thể
- Biểu số 18: Các cơ quan, đơn vị; các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

b) Phụ lục bổ sung:

- Phụ lục 01: Đơn vị sử dụng dự án vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài và đơn vị sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại

- Phụ lục 02, 03, 04, 05, 06, 07: Cơ quan, đơn vị cấp tỉnh

2. Biểu mẫu lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023-2025

2.1. Cục Thuế tỉnh

- Báo cáo theo mẫu biểu số 02, 03 ban hành kèm theo Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính.

2.2. Cục Hải quan tỉnh

- Báo cáo theo mẫu biểu số 02 của Thông tư số 69/2017/TT-BTC 07 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính.

2.3. Sở Kế hoạch và đầu tư

- Báo cáo theo mẫu biểu số 01, 04 (phần chi đầu tư phát triển), 14, 15 ban hành kèm theo Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính.

- Các Sở, ban, ngành, đơn vị tỉnh (đơn vị dự toán cấp I): Tổng hợp lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2022-2024, báo cáo Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và đầu tư theo các mẫu biểu số 16, 17, 18, 19 ban hành kèm theo Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính.

II. Đối với các huyện, thị xã, thành phố

1. Biểu mẫu lập dự toán NSNN năm 2023

- Tổng hợp lập dự toán NSĐP năm 2022, báo cáo Sở Tài chính theo các mẫu biểu số 15.1; 15.2; 18; 28; 29.1; 31; 32; 33; 35 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính.

- Phụ lục bổ sung: 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09.

2. Biểu mẫu lập kế hoạch tài chính- NSNN 03 năm 2023-2025

- Tổng hợp lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2023-2025, báo cáo Sở Tài chính theo các mẫu biểu số 02, 03, 04, 06 ban hành kèm theo Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính.

PHỤ LỤC 01

KẾ HOẠCH GIẢI NGÂN VỐN VAY NĂM 2023
CỦA CÁC DỰ ÁN ODA VÀ VAY ƯU ĐÃI TỪ NGUỒN CHÍNH PHỦ VAY VỀ CHO VAY LẠI

(Kèm theo Công văn số ……/STC-QLNS ngày … tháng … năm 2022 của Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chương trình, dự án	Thời gian thực hiện theo Hiệp định đã ký kết	Tổng số vốn vay theo Hiệp định đã ký kết	Tổng số vốn vay lại	Kế hoạch giải ngân vốn vay năm 2022			Kế hoạch giải ngân vốn vay năm 2023
					Dự toán giao năm 2022	6 tháng đầu năm 2022	Ước thực hiện cả năm 2022	
1	2	3	4	5	6		7	8
	Tổng số		-	-	-		-	-
1	Chương trình/ Dự án……..							
2	Chương trình/ Dự án……..							
3	Chương trình/ Dự án……..							
	……							

PHỤ LỤC 02

TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ NĂM 2022 VÀ DỰ KIẾN NHU CẦU KINH PHÍ NĂM 2023

(Kèm theo Công văn số ……/STC-QLNS ngày … tháng … năm 2022 của Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chính sách, chế độ	Dự toán năm 2022		Ước thực hiện năm 2022 (xác định theo mức chuẩn nghèo				Dự kiến thực hiện năm 2023			
		Số đối tượng	Kinh phí thực hiện	Số đối tượng	Kinh phí thực hiện	Trong đó: Kinh phí đã bố trí trong định mức chi NSĐP năm 2022	Số kinh phí còn thiếu	Số đối tượng	Kinh phí thực hiện	Trong đó: Kinh phí đã bố trí trong định mức chi NSĐP năm 2022	Số kinh phí còn thiếu
i	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*8*	*9*	*10*	*11*
	Tổng số										
I	**Kinh phí thực hiện các chính sách theo tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều mới**										
1	**Các chính sách thuộc sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề**										
-	Chính sách hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 và Nghị định số 81/2022/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ										
	+ Miễn học phí										
	+ Hỗ trợ 70% học phí										
	+ Hỗ trợ 50% học phí										
	+ Hỗ trợ chi phí học tập										
-	Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo quy định tại Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/09/2020 của Chính phủ										
-	Chính sách ……..										
2	**Các chính sách thuộc sự nghiệp y tế**										
-	Các chính sách hỗ trợ BHYT theo quy định tại Luật BHYT và Nghị định số 105/2014/NĐ-CP ngày 15/11/2014 của Chính phủ, gồm:										
	+ BHYT cho người nghèo, DTTS vùng khó khăn; người đang sinh sống tại vùng ĐBKK, xã đảo, huyện đảo										
	+ BHYT cho đối tượng BTXH										
	+ BHYT cho đối tượng … …										
3	**Các chính sách thuộc sự nghiệp đảm bảo xã hội**										
-	Chính sách hỗ trợ thường xuyên cho đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/03/2021 của Chính phủ										
-	Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo quy định tại Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ										
II	**Kinh phí thực hiện một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa**										
1	Chính sách …….										
2	Chính sách …….										
	……										
III	**Kinh phí thực hiện các chính sách ASXH do Trung ương ban hành và có hiệu lực thi hành sau ngày 01/09/2021**										
1	Chính sách …….										
2	Chính sách …….										
	……										

***Ghi chú:** Mỗi chính sách đề nghị đơn vị, địa phương có biểu thuyết minh chi tiết theo đối tượng và mức chi theo chế độ quy định (trường hợp có các đối tượng tăng thêm do áp dụng mức chuẩn nghèo mới, đề nghị thuyết minh cụ thể).*

PHỤ LỤC 03

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NSNN TỪ NGUỒN THU XỬ LÝ NHÀ, ĐẤT NĂM 2022 VÀ GIAI ĐOẠN 2023-2025

(Kèm theo Công văn số ……/STC-QLNS ngày … tháng … năm 2022 của Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị)

STT	Tên cơ quan, tổ chức đơn vị, doanh nghiệp trực tiếp quản lý, sử dụng nhà, đất; địa chỉ nhà, đất xử lý	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)	Ước thực hiện 2022 (triệu đồng)	Kế hoạch 2023 và giai đoạn 2023-2023 (triệu đồng)		Ghi chú phương án xử lý tài sản (Bán, chuyển mục đích,...)
					Kế hoạch 2023	Giai đoạn 2023-2025	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
	Tổng số						
1	Tên cơ quan/ tổ chức……						
2	Tên cơ quan/ tổ chức……						
3	Tên cơ quan/ tổ chức……						
	……						

PHỤ LỤC 04

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NSNN TỪ NGUỒN THU XỬ LÝ NHÀ, ĐẤT NĂM 2022 VÀ GIAI ĐOẠN 2023-2025

(Kèm theo Công văn số ……/STC-QLNS ngày … tháng … năm 2022 của Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị và tên dự án đầu tư (1)	Quyết định phê duyệt	Tổng mức đầu tư	Thời gian Khởi công - Hoàn thành	Lũy kế thực hiện hết 2022		Kế hoạch 2023 và giai đoạn 2023-2025		Ghi chú
					Tổng kinh phí	*Trong đó năm 2022*	Kế hoạch 2023	Giai đoạn 2023-2025	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
	Tổng số								
1	Tên cơ quan/ tổ chức……								
2	Tên cơ quan/ tổ chức……								
3	Tên cơ quan/ tổ chức……								
	……								

PHỤ LỤC 05

BÁO CÁO QUỸ LƯƠNG, PHỤ CẤP, TRỢ CẤP THEO SỐ LIỆU QUYẾT TOÁN NĂM 2021

(Kèm theo Công văn số ……/STC-QLNS ngày … tháng … năm 2022 của Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	BIÊN CHẾ ĐƯỢC CẤP THẨM QUYỀN GIAO HOẶC PHÊ DUYỆT NĂM 2021	TỔNG SỐ ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LƯƠNG CÓ MẶT ĐẾN 01/01/2021	QUỸ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP, TRỢ CẤP NĂM 2021 THEO TIỀN LƯƠNG 1,49																HỆ SỐ LƯƠNG, PHỤ CẤP BÌNH QUÂN	
				TỔNG CỘNG	MỨC LƯƠNG THEO NGẠCH, BẬC, CHỨC VỤ	TỔNG CÁC KHOẢN PHỤ CẤP, TRỢ CẤP (1)	*Trong đó*											CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP, BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN (2)	HỆ SỐ LƯƠNG, NGẠCH, BẬC BÌNH QUÂN	HỆ SỐ PHỤ CẤP BÌNH QUÂN
							PHỤ CẤP KHU VỰC	PHỤ CẤP CHỨC VỤ	PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG	PHỤ CẤP ƯU ĐÃI NGÀNH	PHỤ CẤP THU HÚT	PHỤ CẤP CÔNG TÁC LÂU NĂM	PHỤ CẤP CÔNG VỤ	PHỤ CẤP CÔNG TÁC ĐẢNG	PHỤ CẤP THÂM NIÊN NGHỀ	PHỤ CẤP …	PHỤ CẤP KHÁC			
1	2	3	4	5=6+7+18	6	7= 8 +…+17+…	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17		18	19=6/4/12/1,49	20=7/4/12/1,49
	TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+V+VI)																			
I	**KHU VỰC HCSN, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ (Chi tiết từng đơn vị)**																			
	Trong đó:																			
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo																			
	- Giáo dục																			
	Tr.đó: đơn vị tự đảm bảo (3)																			
	- Đào tạo																			
	Tr.đó: đơn vị tự đảm bảo (3)																			
2	Sự nghiệp y tế																			
	Tr.đó: đơn vị tự đảm bảo (3)																			
3	Khoa học công nghệ																			
4	Văn hóa thông tin																			
5	Phát thanh truyền hình																			
6	Thể dục - thể thao																			
7	Đảm bảo xã hội																			
8	Sự nghiệp kinh tế																			
9	Quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể																			
	- Quản lý NN																			
	- Đảng, đoàn thể																			
II	**CÁN BỘ CHUYÊN TRÁCH, CÔNG CHỨC XÃ (Chi tiết từng xã)**																			
III	**CÁN BỘ KHÔNG CHUYÊN TRÁCH XÃ (Chi tiết từng xã)**																			
IV	**HOẠT ĐỘNG PHÍ ĐẠI BIỂU HĐND CÁC CẤP**																			
	- Cấp tỉnh																			
	- Cấp huyện																			
	- Cấp xã																			
V	**PHỤ CẤP TRÁCH NHIỆM CẤP ỦY**																			
	- Ủy viên cấp tỉnh																			
	- Ủy viên cấp huyện																			
	- Ủy viên cấp xã																			
VI	**CÁN BỘ XÃ NGHỈ VIỆC**																			
	+ Bí thư, Chủ tịch																			
	+ Phó BT, Phó CT, TT Đảng ủy, Ủy viên, TK																			
	+ Các chức danh còn lại																			

Ghi chú:

(1) Chỉ tính các khoản phụ cấp do Trung ương quy định, không kể tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ, phụ cấp theo mức tuyệt đối.

*(2) Mức đóng **BHXH là 17,5%, BHYT là 3%, BHTN là 1%, KPCĐ là 2%.***

*(3) Bao gồm các **đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên.***

*(4) Các loại phụ cấp theo quy định (trừ trợ cấp) lĩnh hàng tháng, **tổng hợp đầy đủ vào biểu.***

(5) UBND huyện, TP, TX chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu.

NGƯỜI LẬP BIỂU **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

PHỤ LỤC 06

BÁO CÁO QUỸ LƯƠNG, PHỤ CẤP, TRỢ CẤP DỰ KIẾN NĂM 2022

(Kèm theo Công văn số ……/STC-QLNS ngày … tháng … năm 2022 của Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	BIÊN CHẾ ĐƯỢC CẤP THẨM QUYỀN GIAO HOẶC PHÊ DUYỆT NĂM 2022	TỔNG SỐ ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LƯƠNG CÓ MẶT ĐẾN 30/6/2022	QUỸ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP, TRỢ CẤP NĂM 2021 THEO TIỀN LƯƠNG 1,49																HỆ SỐ LƯƠNG, PHỤ CẤP BÌNH QUÂN	
				TỔNG CỘNG	MỨC LƯƠNG THEO NGẠCH, BẬC, CHỨC VỤ	TỔNG CÁC KHOẢN PHỤ CẤP, TRỢ CẤP (1)	*Trong đó*											CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP, BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN (2)	HỆ SỐ LƯƠNG, NGẠCH, BẬC BÌNH QUÂN	HỆ SỐ PHỤ CẤP BÌNH QUÂN
							PHỤ CẤP KHU VỰC	PHỤ CẤP CHỨC VỤ	PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG	PHỤ CẤP ƯU ĐÃI NGÀNH	PHỤ CẤP THU HÚT	PHỤ CẤP CÔNG TÁC LÂU NĂM	PHỤ CẤP CÔNG VỤ	PHỤ CẤP CÔNG TÁC ĐẢNG	PHỤ CẤP THÂM NIÊN NGHỀ	PHỤ CẤP …	PHỤ CẤP KHÁC			
1	2	3	4	5=6+7+18	6	7= 8 +...+17+...	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17		18	19=6/4/12/1,49	20=7/4/12/1,49
	TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+V+VI)																			
I	**KHU VỰC HCSN, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ (Chi tiết từng đơn vị)**																			
	Trong đó:																			
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo																			
	- Giáo dục																			
	Tr.đó: đơn vị tự đảm bảo (3)																			
	- Đào tạo																			
	Tr.đó: đơn vị tự đảm bảo (3)																			
2	Sự nghiệp y tế																			
	Tr.đó: đơn vị tự đảm bảo (3)																			
3	Khoa học công nghệ																			
4	Văn hóa thông tin																			
5	Phát thanh truyền hình																			
6	Thể dục - thể thao																			
7	Đảm bảo xã hội																			
8	Sự nghiệp kinh tế																			
9	Quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể																			
	- Quản lý NN																			
	- Đảng, đoàn thể																			
II	**CÁN BỘ CHUYÊN TRÁCH, CÔNG CHỨC XÃ (Chi tiết từng xã)**																			
III	**CÁN BỘ KHÔNG CHUYÊN TRÁCH XÃ (Chi tiết từng xã)**																			
IV	**HOẠT ĐỘNG PHÍ ĐẠI BIỂU HĐND CÁC CẤP**																			
	- Cấp tỉnh																			
	- Cấp huyện																			
	- Cấp xã																			
V	**PHỤ CẤP TRÁCH NHIỆM CẤP ỦY**																			
	- Ủy viên cấp tỉnh																			
	- Ủy viên cấp huyện																			
	- Ủy viên cấp xã																			
VI	**CÁN BỘ XÃ NGHỈ VIỆC**																			
	+ Bí thư, Chủ tịch																			
	+ Phó BT, Phó CT, TT Đảng ủy, Ủy viên, TK																			
	+ Các chức danh còn lại																			

Ghi chú:

(1) Chỉ tính các khoản phụ cấp do Trung ương quy định, không kể tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ, phụ cấp theo mức tuyệt đối.

*(2) Mức đóng **BHXH là 17,5%, BHYT là 3%, BHTN là 1%, KPCĐ là 2%.***

*(3) Bao gồm các **đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên.***

*(4) Các loại phụ cấp theo quy định (trừ trợ cấp) lĩnh hàng tháng, **tổng hợp đầy đủ vào biểu.***

(5) UBND huyện, TP, TX chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu.

NGƯỜI LẬP BIỂU **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

PHỤ LỤC 07

BÁO CÁO QUỸ LƯƠNG, PHỤ CẤP, TRỢ CẤP DỰ KIẾN NĂM 2023

(Kèm theo Công văn số ……/STC-QLNS ngày … tháng … năm 2022 của Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	BIÊN CHẾ ĐƯỢC CẤP THẨM QUYỀN GIAO HOẶC PHÊ DUYỆT NĂM 2022	TỔNG SỐ ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LƯƠNG CÓ MẶT ĐẾN 30/6/2022	QUỸ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP, TRỢ CẤP NĂM 2021 THEO TIỀN LƯƠNG 1,49															HỆ SỐ LƯƠNG, PHỤ CẤP BÌNH QUÂN	
				TỔNG CỘNG	MỨC LƯƠNG THEO NGẠCH, BẬC, CHỨC	TỔNG CÁC KHOẢN PHỤ CẤP, TRỢ CẤP (1)	*Trong đó*											CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP, BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN (2)	HỆ SỐ LƯƠNG, NGẠCH, BẬC BÌNH QUÂN	HỆ SỐ PHỤ CẤP BÌNH QUÂN
							PHỤ CẤP KHU VỰC	PHỤ CẤP CHỨC VỤ	PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG	PHỤ CẤP ƯU ĐÃI NGÀNH	PHỤ CẤP THU HÚT	PHỤ CẤP CÔNG TÁC LÂU NĂM	PHỤ CẤP CÔNG VỤ	PHỤ CẤP CÔNG TÁC ĐẢNG	PHỤ CẤP THÂM NIÊN NGHỀ	PHỤ CẤP …	PHỤ CẤP KHÁC			
1	2	3	4	5=6+7+18	6	7= 8 +...+17+...	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17		18	19=6/4/12/1,49	20=7/4/12/1,49
	TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+V+VI)																			
I	**KHU VỰC HCSN, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ (Chi tiết từng đơn vị)**																			
	Trong đó:																			
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo																			
	- Giáo dục																			
	Tr.đó: đơn vị tự đảm bảo (3)																			
	- Đào tạo																			
	Tr.đó: đơn vị tự đảm bảo (3)																			
2	Sự nghiệp y tế																			
	Tr.đó: đơn vị tự đảm bảo (3)																			
3	Khoa học công nghệ																			
4	Văn hóa thông tin																			
5	Phát thanh truyền hình																			
6	Thể dục - thể thao																			
7	Đảm bảo xã hội																			
8	Sự nghiệp kinh tế																			
9	Quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể																			
	- Quản lý NN																			
	- Đảng, đoàn thể																			
II	**CÁN BỘ CHUYÊN TRÁCH, CÔNG CHỨC XÃ (Chi tiết từng xã)**																			
III	**CÁN BỘ KHÔNG CHUYÊN TRÁCH XÃ (Chi tiết từng xã)**																			
IV	**HOẠT ĐỘNG PHÍ ĐẠI BIỂU HĐND CÁC CẤP**																			
	- Cấp tỉnh																			
	- Cấp huyện																			
	- Cấp xã																			
V	**PHỤ CẤP TRÁCH NHIỆM CẤP ỦY**																			
	- Ủy viên cấp tỉnh																			
	- Ủy viên cấp huyện																			
	- Ủy viên cấp xã																			
VI	**CÁN BỘ XÃ NGHỈ VIỆC**																			
	+ Bí thư, Chủ tịch																			
	+ Phó BT, Phó CT, TT Đảng ủy, Ủy viên, TK																			
	+ Các chức danh còn lại																			

Ghi chú:

(1) Chỉ tính các khoản phụ cấp do Trung ương quy định, không kể tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ, phụ cấp theo mức tuyệt đối.

*(2) Mức đóng **BHXH là 17,5%, BHYT là 3%, BHTN là 1%, KPCĐ là 2%.***

*(3) Bao gồm các **đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên.***

*(4) Các loại phụ cấp theo quy định (trừ trợ cấp) lĩnh hàng tháng, **tổng hợp đầy đủ vào biểu.***

(5) UBND huyện, TP, TX chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu.

NGƯỜI LẬP BIỂU **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

PHỤ LỤC 08

KẾT QUẢ PHÂN BỔ, SỬ DỤNG NGUỒN KINH PHÍ NGÂN SÁCH TỈNH BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU NĂM 2022

(Kèm theo Công văn số ……/STC-QLNS ngày … tháng … năm 2022 của Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung kinh phí	Kinh phí năm 2021 chuyển sang	Kinh phí ngân sách tỉnh bổ sung năm 2022	Số kinh phí đã sử dụng	Trong đó												Kinh phí còn lại			
					Tổng chi ĐT XDCB	Chi tiết theo từng lĩnh vực					Tổng chi thường xuyên	Chi tiết theo từng lĩnh vực					Tổng cộng	Số kinh phí chuyển nguồn tiếp tục sử dụng	Số kinh phí tồn	
						Giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Chi bảo vệ môi trường	Chi đảm bảo xã hội	Chi các hoạt động kinh tế	….		Giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Chi bảo vệ môi trường	Chi đảm bảo xã hội	Chi các hoạt động kinh tế	….			Đã nộp trả NS tỉnh	Kinh phí tồn NS huyện
A	B	1	2	3=4+10	4=5+…+9	5	6	7	8	9	10=11+..+16	11	12	13	14	15	16=1+2-3	17	18	19
	TỔNG CỘNG																			
I	**BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU (Dự toán giao đầu năm)**																			
	…																			
II	**BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU (Ngân sách tỉnh bổ sung trong năm)**																			
1	**CTMT Quốc gia**																			
	CTMTQG Nông thôn mới																			
	CTMTQG Giảm nghèo																			
	CTMTQG Dân tộc thiểu số và MN																			
2	**Bổ sung thực hiện các CTMT, nhiệm vụ**																			
	…																			
	(Chi tiết từng nội dung mục tiêu được hỗ trợ)																			

Ghi chú:

- Tổng số bổ sung có mục tiêu khớp đúng với số liệu Sở Tài chính đã gửi rà soát; phần kinh phí quyết toán khớp đúng với báo cáo KBNN.
- Trường hợp địa phương bổ sung có mục tiêu về cho các xã, phường, thị trấn thì phải báo cáo đầy đủ số liệu ngân sách toàn huyện, theo lĩnh vực chi.

PHỤ LỤC 09

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG
NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022
(Bao gồm dự phòng ngân sách cấp huyện và cấp xã)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
A	*B*	*1*	*2*
I	**Dự toán năm 2022**		
II	**Kinh phí sử dụng đã sử dụng**		
1	Chi thực hiện nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh		
2	Chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh		
…			
…			
….	Chi thực hiện các nhiệm vụ cần thiết khác theo quy định		
III	**Dự toán còn lại chưa sử dụng**		